

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 67/2022/HS-ST  
Ngày 13-7-2022

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Như.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Hoàng Thị Lâm,

Ông Đặng Quang Tùng.

*- Thư ký phiên tòa:* Ông Hoàng Duy Phong, Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Cao Bằng.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa:* Ông Linh Đức Hợp, Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 42/2022/TLST-HS ngày 03/6/2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 528/2022/QĐXXST-HS ngày 29/6/2022 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Nông Văn V** (tên gọi khác: không), sinh ngày 20 tháng 5 năm 1987 tại tỉnh Cao Bằng.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Xóm N, xã Đ, huyện Q, tỉnh Cao Bằng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nông Văn H, sinh năm 1963 (đã chết) và bà Chu Thị N, sinh năm 1968; có vợ Đàm Ánh T, sinh năm 1980 và 01 con; tiền án, tiền sự: Không có.

Nhân thân: Ngày 25/4/2017 bị Công an huyện U (cũ) xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại đến sức khỏe của người khác”(đã chấp hành xong).

Bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 01/3/2022 đến ngày 15/04/2022 được thay đổi biện pháp ngăn chặn Bảo lãnh; có mặt.

2. Họ và tên: **Đặng Xuân T** (tên gọi khác: không), sinh ngày 20 tháng 12 năm 1978 tại tỉnh Cao Bằng.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Tổ 16, phường G, thành phố C, tỉnh Cao Bằng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng

Xuân A, sinh năm 1954, con bà Hồ Lan P, sinh năm 1954; có vợ Hà Thị H, sinh năm 1981 và 02 con; tiền án, tiền sự: Không có.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 22/02/2022 đến ngày 28/3/2022 được thay thế bằng biện pháp cho Bảo lãnh; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Hà Thị H, sinh năm 1981, địa chỉ: Tổ 16, phường G, thành phố C, tỉnh Cao Bằng; có mặt.

2. Hoàng Thị N, sinh năm 1985, địa chỉ: Tổ 12, phường S, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn; có đơn xin xét xử vắng mặt.

3. Đàm Ánh T, sinh năm 1980, địa chỉ: Xóm N, xã Đ, huyện Q, tỉnh Cao Bằng; có mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 01 giờ 20 phút ngày 19/2/2022 tại km239 +414 Quốc lộ 3 thuộc địa phận xóm K, xã H, huyện N, tỉnh Cao Bằng, tổ công tác phòng Quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh Cao Bằng phối hợp với Công an huyện N đang làm nhiệm vụ phát hiện bắt quả tang Đặng Xuân T, sinh năm 1978, trú tại tổ 16, phường G, thành phố C điều khiển xe ô tô hiệu Mitsubishi Xpander mang biển kiểm soát 11A-070.xx chở theo 04 người Trung Quốc (gồm Vương Á Quân, sinh năm 1991, trú tại tỉnh Giang Tô; Tô Vũ Ngụy, sinh năm 2002; Thượng Hiền Vũ, sinh năm 2001 cùng trú tại tỉnh Sơn Đông; Đường Cường, sinh năm 1987, trú tại tỉnh Tứ Xuyên, Trung Quốc) nhập cảnh trái phép vào Việt Nam đang di chuyển theo hướng từ Cao Bằng đi Hà Nội. Tổ công tác đã lập biên bản phạm pháp quả tang, đưa người và phương tiện về trụ sở để điều tra làm rõ.

Mở rộng điều tra vụ án đã xác định được như sau: Năm 2020, trong một lần chở khách đến Thác BG thuộc xã Đ, huyện K, tỉnh Cao Bằng, Nông Văn V quen biết một người đàn ông Trung Quốc tự giới thiệu tên là Lực, nhà ở khu vực biên giới Việt Nam - Trung Quốc, hai người có trao đổi số điện thoại với nhau để tiện liên lạc. Đến khoảng tháng 11/2021, Lực gọi điện thuê V đón người Trung Quốc nhập cảnh trái phép từ huyện K đưa xuống các tỉnh Bắc Kạn, Thái Nguyên và thành phố Hà Nội, Lực hứa trả tiền công từ 12.000.000 đồng đến 13.000.000 đồng/chuyến, V đồng ý. Hai người thỏa thuận V trí đón người, Lực sẽ thông báo và được đặt các cành cây ở dọc đường làm ám hiệu, tiền công Lực sẽ cho người giấu dưới hòn đá cạnh gốc cây gần khu vực cổng trường Trung học cơ sở thị trấn T để V dễ dàng nhận biết. Sau khi đã thống nhất với Lực, V đã liên lạc thuê Đặng Xuân T trực tiếp đi đón người tại các V trí mà Lực thông báo, V hứa trả tiền công từ 6.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng/chuyến, T đồng ý. Khi T đón được người, V sẽ điều khiển xe ô tô hiệu KIA Morning mang BKS 34A-295.XX đi trước dẫn đường và cảnh giới lực lượng chức năng đi đến tỉnh Bắc Kạn, còn T tiếp tục điều khiển xe ô tô mang BKS 11A-070.xx chở người Trung

Quốc nhập cảnh trái phép đi đến địa điểm giao người theo hướng dẫn của V. Với cách thức như trên, từ ngày 24/11/2021 đến ngày 18/2/2022, Nông Văn V đã thuê Đặng Xuân T thực hiện được 15 lần đón người nhập cảnh trái phép. Trong đó, tháng 11/2021 các bị can đã thực hiện 04 lần, cụ thể như sau:

Ngày 24/11/2021, V bảo T đến đón 03 người Trung Quốc nhập cảnh trái phép tại khu vực đường đi cửa khẩu P, huyện K và đưa đến khu vực cầu Thanh Trì, thành phố Hà Nội, sau khi trả khách xong thì T quay về, V chuyển tiền công cho T là 6.000.000 đồng, còn V được hưởng lợi 7.000.000 đồng. Đến các ngày 25, 28 và 29/11/2021, cũng tại V trí khu vực thác Bản Giốc, xã Đ, huyện K theo yêu cầu của V, T đón 02 chuyến mỗi chuyến 02 người, 01 chuyến 04 người nhập cảnh trái phép, trong đó một chuyến đưa xuống đến khu vực cầu Thanh Trì, thành phố Hà Nội còn hai chuyến đưa xuống đến đoạn đường tránh tỉnh Bắc Kạn - Thái Nguyên, sau mỗi lần V chuyển trả tiền công cho T 8.000.000 đồng/chuyến, còn V hưởng lợi mỗi chuyến là 4.000.000 đồng.

Đến tháng 12/2021, V và T tiếp tục thực hiện 06 lần cũng với cách thức như trước đó. Ngày 01/12/2021, tại khu vực ngã ba đường đi cửa khẩu P, V bảo T đón 03 người, vào ngày 06 và 13/12/2021, tại đoạn đường rẽ đi Núi Thủng thuộc xã C, huyện K, T đón một chuyến được 01 người, một chuyến được 02 người Trung Quốc nhập cảnh trái phép và đưa đến đầu đường Quốc lộ 5 kéo dài thuộc huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội. Đến ngày 16 và 28/12/2021, tại khu vực xã Đ, huyện K, V bảo T đón 02 chuyến, một chuyến 02 người, một chuyến 01 người và đưa xuống đến Cầu chui Quốc lộ 5 thuộc địa phận quận Long Biên, thành phố Hà Nội; Tối ngày 17/12/2021, tại khu vực đường đi cửa khẩu P, huyện K, T tiếp tục đón 02 người đưa đến đoạn đường thuộc xã S, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Mỗi chuyến V chuyển trả tiền công cho T 8.000.000 đồng, còn V được hưởng lợi 4.000.000 đồng/chuyến.

Ngoài ra, trong các ngày 07, 09, 13/01/2022, V tiếp tục bảo T đi đón 03 chuyến, một chuyến tại ngã ba đường đi cửa khẩu P, T đón được 01 người, 02 chuyến tại khu vực gần Trung tâm cai nghiện huyện K (mỗi chuyến 03 người), trong đó 02 chuyến đưa tổng số 04 người đến khu vực thuộc xã N, huyện M, tỉnh Bắc Kạn, một chuyến 03 người đưa xuống đến khu công nghiệp Ninh Hiệp, Gia Lâm, thành phố Hà Nội. Mỗi chuyến V được hưởng lợi 4.000.000 đồng, còn T được V trả 8.000.000 đồng/chuyến, có một chuyến do chờ khách lâu nên T được trả 9.000.000 đồng. Đến tháng 02/2022, vào các ngày 16, 18/02/2022, V bảo T đến khu vực gần Trung tâm cai nghiện huyện K đón một chuyến 03 người, một chuyến 04 người nhập cảnh trái phép, trong đó một chuyến đã đưa đến khu công nghiệp Ninh Hiệp, Gia Lâm, thành phố Hà Nội, T đã được V chuyển trả tiền công 8.000.000 đồng, riêng chuyến thứ 15 vào ngày 18/02/2022, khi T đang điều khiển xe chở 04 người nhập cảnh trái phép di chuyển đến địa phận xã H, huyện N để đến thành phố Hà Nội thì bị phát hiện bắt quả tang, lúc đó V điều khiển xe ô tô đi trước nhưng không bị phát hiện. Lần này T chưa được V trả tiền công, toàn bộ số tiền công nhận được với Lực trong hai chuyến là 16.000.000đ, V đã chi tiêu cho cá nhân hết.

Lời khai của các nhân chứng trong vụ án phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ.

Ngày 02/6/2022, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng ban hành bản Cáo trạng số: 41/CT-VKSCB(P1) truy tố bị cáo Nông Văn V về tội: “Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép” theo điểm b khoản 2 Điều 348 của Bộ luật Hình sự; truy tố bị cáo Đặng Xuân T về tội: “Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép” theo các điểm b, đ khoản 2 Điều 348 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà, các bị cáo Nông Văn V, Đặng Xuân T khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu ở trên và thừa nhận Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng đã truy tố các bị cáo về tội Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép là đúng.

Kết thúc phần xét hỏi, Kiểm sát viên tham gia phiên toà trình bày lời luận tội đánh giá các tài liệu, chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội của các bị cáo khẳng định quyết định truy cứu trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Nông Văn V về tội: “Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép” theo điểm b khoản 2 Điều 348 của Bộ luật Hình sự; bị cáo Đặng Xuân T về tội: “Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép” theo các điểm b, đ khoản 2 Điều 348 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật và vẫn giữ nguyên quyết định truy tố về tội danh, điều luật đã viện dẫn ở trên và đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Tuyên bố các bị cáo Nông Văn V, Đặng Xuân T phạm tội: “Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép”.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 348; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nông Văn V từ 07 đến 08 năm tù.

Áp dụng điểm b, đ khoản 2 Điều 348; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Đặng Xuân T từ 06 đến 07 năm tù.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Đề nghị:

- *Tịch thu phát mại lấy tiền nộp ngân sách Nhà nước:*

+ ½ giá trị (một) xe ô tô nhãn hiệu MISUBISHI XPANDER màu trắng. Xe đeo biển kiểm soát 11A-070.xx. Tình trạng xe đã qua sử dụng. Xe kèm 01 chìa khóa; 01 (một) giấy đăng ký xe ô tô mang tên Đặng Xuân T.

- Trả lại ½ giá trị chiếc xe nêu trên cho vợ của bị cáo Đặng Xuân T có tên là Hà Thị H.

+ ½ giá trị xe ô tô nhãn hiệu KIA MORNING màu xanh. Xe đeo biển kiểm soát 11A-070.xx. Tình trạng xe đã qua sử dụng. Xe kèm theo 01 chìa khóa và 01 (một) giấy đăng ký xe ô tô mang tên Bùi Xuân Q; 01 (một) giấy kiểm định số 0001981; 01 (một) giấy bảo hiểm bắt buộc TNDS số DK21/0475378; 01 (một)

giấy bán xe 11A-070.xx ngày 22/11/2021. Người bán: Nguyễn Đại N, người mua: Nông Văn V.

- Trả lại  $\frac{1}{2}$  giá trị chiếc xe nêu trên cho vợ của bị cáo Nông Văn V có tên là Đàm Ánh T.

+ 01 (một) phong bì niêm phong theo quy định, mặt trước ghi “02 điện thoại di động của Đặng Xuân T gồm 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu SAMSUNG GALAXY A50; 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu NOKIA dạng bàn phím”.

Tịch thu tiêu hủy: Tịch thu tiêu hủy 02 (hai) tấm bạt màu xanh cam, kích thước khoảng 80x150cm; 02 (hai) tấm bạt màu xanh cam, kích thước khoảng 60x120cm.

Trả lại tài sản cho Hoàng Thị N do không liên quan đến hành vi phạm tội:

+ 01 (một) phong bì niêm phong theo quy định, mặt trước ghi “điện thoại di động của Nông Văn V. Nhãn hiệu Masstel dạng bàn phím đã qua sử dụng”. Mặt sau có chữ ký của các thành phần tham gia niêm phong và đóng dấu của Cơ quan ANĐT Công an tỉnh Cao Bằng.

+ 01 (một) giấy bán xe 11A-070.xx ngày 21/02/2022. Người bán: Nông Văn V, người mua: Hoàng Thị N.

Trả lại cho bị cáo Nông Văn V: 01 (một) căn cước công dân mang tên: Nông Văn V.

*Truy thu số tiền do phạm tội mà có:*

+ Tịch thu số tiền: 111.200.000 đồng đối với bị cáo Đặng Xuân T. Xác nhận bị cáo đã nộp lại số tiền trên theo Biên lai thu tiền số: 0000601 ngày 13/6/2022 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Cao Bằng.

+ Truy thu đối với bị cáo Nông Văn V số tiền 71.000.000 đồng.

Về án phí: Buộc các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo Nông Văn V, Đặng Xuân T không trình bày lời bào chữa, không có ý kiến tranh luận.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Hà Thị H và Đàm Ánh T có ý kiến trình bày xin lại chiếc xe ô tô.

Trong lời nói sau cùng, các bị cáo Nông Văn V, Đặng Xuân T đề nghị Hội đồng xét xử giảm hình phạt cho các bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Cao Bằng, Điều tra viên, của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố

và tại phiên tòa, các bị cáo Nông Văn V, Đặng Xuân T và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội: Xét lời khai của các bị cáo Nông Văn V, Đặng Xuân T tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với biên bản sự việc lập ngày 19/02/2022 tại km239+414, quốc lộ 3 thuộc địa phận xóm K, xã H, huyện N, tỉnh Cao Bằng, phù hợp với các bản tự khai, biên bản ghi lời khai, biên bản hỏi cung... Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp lời khai của nhóm người nhập cảnh trái phép, phù hợp về thời gian, địa điểm đón đưa người nhập cảnh, số lượng người nhập cảnh trái phép, số tiền công được hưởng cũng như động cơ mục đích thực hiện hành vi phạm tội; cùng các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có cơ sở xác định:

Từ ngày 24/11/2021 đến ngày 18/2/2022, Nông Văn V, Đặng Xuân T đã tổ chức 15 lần, tổng số 36 người Trung Quốc nhập cảnh trái phép vào Việt Nam qua khu vực biên giới thuộc huyện K tỉnh Cao Bằng để đưa sâu vào nội địa Việt Nam, V đã được hưởng lợi tổng số tiền 71.000.000 đồng, Đặng Xuân T được hưởng lợi 111.000.000 đồng. Đến ngày 18/02/2022, khi T đang điều khiển xe ô tô hiệu Mitsubishi Xpander mang BKS 11A-070.xx chở theo 04 người Trung Quốc nhập cảnh trái phép di chuyển đến địa phận K, xã H, huyện N thuộc Quốc lộ 3 Cao Bằng - Hà Nội thì bị phát hiện, bắt quả tang.

Hành vi tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép của các bị cáo Nông Văn V, Đặng Xuân T đã có đủ yếu tố cấu thành tội phạm về tội “*Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép*” theo Điều 348 của Bộ luật Hình sự.

Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính trong lĩnh vực xuất cảnh, nhập cảnh, xâm phạm an ninh biên giới, tiềm ẩn nguy cơ phát sinh các tội phạm khác. Khi thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, động cơ phạm tội là nhằm mục đích vụ lợi từ việc đón và đưa người từ biên giới giúp họ nhập cảnh trái phép vào Việt Nam để nhận tiền công.

Do vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng truy tố bị cáo Nông Văn V về tội “Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 348 của Bộ luật Hình sự; truy tố bị cáo Đặng Xuân T về tội “Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép” theo quy định tại điểm b, đ khoản 2 Điều 348 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

Trong vụ án này, các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn.

- Bị cáo Nông Văn V sau khi được một người đàn ông Trung Quốc tên “Lực” thuê đón người Trung Quốc nhập cảnh trái phép từ khu vực huyện K, tỉnh Cao Bằng vào sâu trong nội địa Việt Nam bằng xe ô tô; được trả tiền công cao; được hướng dẫn cách thức liên lạc, trao đổi để đón người Trung Quốc nhập cảnh trái phép cũng như cách thức giao nhận tiền, nên V đã đồng ý và trực tiếp liên

lạc với người Trung Quốc thực hiện và thuê bị cáo Đặng Xuân T trực tiếp trở người, còn bị cáo V đi trước dẫn đường, cảnh giới lực lượng chức năng.

- Bị cáo Đặng Xuân T sau khi được V thuê đón người Trung Quốc nhập cảnh trái phép, Đặng Xuân T đã trực tiếp thực hiện và sử dụng xe ô tô cá nhân để đón người Trung Quốc nhập cảnh trái phép từ huyện K, tỉnh Cao Bằng đi vào sâu trong nội địa Việt Nam và giao cho các đối tượng khác.

Nguyên nhân dẫn đến hành vi phạm tội của các bị cáo là do không có thu nhập, việc làm ổn định; nhận thức pháp luật của các bị cáo còn hạn chế, dễ bị lôi kéo, dụ dỗ, biết hành vi của bản thân là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện để được hưởng lợi về kinh tế.

[3] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Về nhân thân: Bị cáo Đặng Xuân T là người có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự; bị cáo Nông Văn V ngày 25/4/2017 bị Công an huyện Quảng Uyên (cũ) xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại đến sức khỏe của người khác” (đã chấp hành xong).

- Các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra, truy tố, xét xử các bị cáo Nông Văn V và Đặng Xuân T thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên cả hai bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Ngày 13/6/2022, bị cáo Đặng Xuân T đã nộp lại số tiền: 111.200.000đ do phạm tội mà có theo Biên lai thu tiền số: 0000601 ngày 13/6/2022 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Cao Bằng nên bị cáo được hưởng tình giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 bộ luật hình sự.

- Các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với hai bị cáo: Không có.

[4] Về hình phạt chính: Căn cứ vào tính chất mức độ nguy hiểm, hậu quả do hành vi phạm tội các bị cáo gây ra; nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Cần phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định mới đủ điều kiện cải tạo, giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Xét mức hình phạt do Kiểm sát viên đề nghị đối với các bị cáo là có căn cứ theo quy định của pháp luật, nên cần chấp nhận.

[5] Về hình phạt bổ sung:

Khoản 4 Điều 348 của Bộ luật Hình sự quy định: “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng hoặc cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm*”.

Hội đồng xét xử thấy các bị cáo Nông Văn V, Đặng Xuân T đều là lao động tự do, thu nhập không ổn định do vậy không cần thiết áp dụng một trong các hình phạt bổ sung trên đối với các bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu, truy thu số tiền đối với các bị cáo do phạm tội mà có để nộp ngân sách Nhà nước, cụ thể:

+ Tịch thu số tiền: 111.000.000 đồng đối với bị cáo Đặng Xuân T. Xác nhận bị cáo đã nộp số tiền 111.200.000 đồng theo Biên lai thu tiền số: 0000601 ngày 13/6/2022 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Cao Bằng. Hoàn trả cho bị cáo Đặng Xuân T số tiền 200.000đ do bị cáo nộp vượt quá số tiền thu lợi bất chính.

+ Truy thu đối với Nông Văn V số tiền 71.000.000 đồng.

- Tịch thu phát mại sung vào ngân sách Nhà nước những tài sản là phương tiện thực hiện hành vi phạm tội:

+ ½ giá trị 01 (một) xe ô tô nhãn hiệu MISUBISHI XPANDER màu trắng. Xe đeo biển kiểm soát 11A-070.xx. Tình trạng xe đã qua sử dụng.

Số khung: MK2XRNC1WLN0138xx. Số máy: 4A91JC82xx.

Qua kiểm tra thực tế số khung, số máy của xe trùng khớp với phiếu trả lời xác minh phương tiện giao thông cơ giới đường bộ ngày 24/3/2022. Xe kèm 01 chìa khóa. Kèm theo xe là 01 (một) giấy đăng ký xe ô tô mang tên Đặng Xuân T.

- Trả lại ½ giá trị chiếc xe ô tô nhãn hiệu MISUBISHI XPANDER màu trắng. Xe đeo biển kiểm soát 11A-070.xx cho Hà Thị H.

+ ½ giá trị 01 (một) xe ô tô nhãn hiệu KIA MORNING màu xanh. Xe đeo biển kiểm soát 11A-070.xx. Tình trạng xe đã qua sử dụng.

Số khung: RNYSA2432BC0254xx. Số máy: G4HGBM4027xx.

Qua kiểm tra thực tế số khung, số máy của xe trùng khớp với phiếu trả lời xác minh phương tiện giao thông cơ giới đường bộ ngày 24/3/2022. Xe kèm theo 01 chìa khóa. Kèm theo xe là: 01 (một) giấy đăng ký xe ô tô mang tên Bùi Xuân Q; 01 (một) giấy kiểm định số 0001981; 01 (một) giấy bảo hiểm bắt buộc TNDS số DK21/0475378; 01 (một) giấy bán xe 11A-070.xx ngày 22/11/2021. Người bán: Nguyễn Đại N, người mua: Nông Văn V.

- Trả lại ½ giá trị chiếc xe ô tô nhãn hiệu KIA MORNING màu xanh. Xe đeo biển kiểm soát 11A-070.xx cho Đàm Ánh T.

+ 01 (một) phong bì niêm phong theo quy định, mặt trước ghi “02 điện thoại di động của Đặng Xuân T: 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu SAMSUNG GALAXY A50; 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu NOKIA dạng bàn phím”.

Mặt sau có chữ ký của các thành phần tham gia niêm phong và đóng dấu của Cơ quan ANĐT Công an tỉnh Cao Bằng.

- Tịch thu tiêu hủy: 02 (hai) tấm bạt màu xanh cam, kích thước khoảng 80x150cm; 02 (hai) tấm bạt màu xanh cam, kích thước khoảng 60x120cm.

- Trả lại cho bị cáo Nông Văn V: 01 (một) căn cước công dân mang tên Nông Văn V do không liên quan đến hành vi phạm tội.

- Trả cho chị Hoàng Thị N: 01 (một) giấy bán xe 11A-070.xx ngày 21/02/2022. Người bán: Nông Văn V, người mua: Hoàng Thị N; 01 (một) phong

bì niêm phong theo quy định, mặt trước ghi “điện thoại di động của Nông Văn V. Nhãn hiệu Masstel dạng bàn phím đã qua sử dụng”. Mặt sau có chữ ký của các thành phần tham gia niêm phong và đóng dấu của Cơ quan ANĐT Công an tỉnh Cao Bằng. Chiếc điện thoại này do Hoàng Thị N cho Nông Văn V mượn, chị N không biết V dùng vào việc liên lạc thực hiện hành vi phạm tội.

- Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Nông Văn V có trách nhiệm hoàn trả số tiền có được từ việc bán xe ô tô nhãn hiệu KIA MORNING màu xanh. Xe đeo biển kiểm soát 11A-070.xx là: 80.000.000đ (*Tám mươi triệu đồng*) cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Hoàng Thị N. Do chị N không biết bị cáo Nông Văn V dùng chiếc xe trên thực hiện hành vi phạm tội.

[7] Các vấn đề khác:

Đối với người đàn ông Trung Quốc tên Lục, ngoài lời khai của V thì không có tài liệu gì khác, nên không đủ căn cứ để Cơ quan điều tra xác minh làm rõ để xử lý trong cùng vụ án.

Đối với Nông Văn T (sinh năm 1990, trú tại xóm N, xã Đ, huyện Q) là người chuyển tiền giúp Nông Văn V nhưng T không biết nguồn gốc số tiền do đâu mà có, cũng không biết gì về việc tổ chức đón người nhập cảnh trái phép của Nông Văn V, nên Cơ quan điều tra không đặt vấn đề xử lý là có căn cứ.

Đối với Hà Thị H (trú tại tổ 16, phường G, thành phố C) được V chuyển tiền vào tài khoản, nhưng H không biết tiền có từ việc tổ chức cho người nhập cảnh trái phép, nên Cơ quan điều tra không đặt vấn đề xử lý là có căn cứ.

[8] Về án phí: Các bị cáo Nông Văn V, Đặng Xuân T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

### 1. Tuyên bố:

Các bị cáo Nông Văn V, Đặng Xuân T phạm tội: “Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép”.

### 2. Về hình phạt:

2.1 Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 348; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo **Nông Văn V: 08** (tám) năm tù. Thời hạn chấp hành án phạt tù được tính từ ngày bị cáo vào trại chấp hành án. Được trừ đi thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 01/3/2022 đến ngày 15/04/2022.

2.2 Căn cứ điểm b, đ khoản 2 Điều 348, điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo **Đặng Xuân T - 6** (sáu) năm tù. Thời hạn chấp hành án phạt tù được tính từ ngày bị cáo vào trại chấp hành án. Được trừ đi thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 22/02/2022 đến ngày 28/3/2022.

**3. Về việc xử lý vật chứng:** Căn cứ vào Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

**- Tịch thu, truy thu số tiền đối với các bị cáo do phạm tội mà có để nộp ngân sách Nhà nước, cụ thể:**

+ Tịch thu số tiền: 111.000.000 đồng đối với bị cáo Đặng Xuân T. Xác nhận bị cáo đã nộp số tiền 111.200.000 đồng theo Biên lai thu tiền số: 0000601 ngày 13/6/2022 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Cao Bằng.

Hoàn trả cho bị cáo Đặng Xuân T số tiền 200.000đ do bị cáo nộp vượt quá số tiền thu lợi bất chính.

+ Truy thu đối với bị cáo Nông Văn V số tiền 71.000.000 đồng.

**- Tịch thu phát mại sung vào ngân sách Nhà nước:**

+ ½ giá trị 01 (một) xe ô tô nhãn hiệu MISUBISHI XPANDER màu trắng. Xe đeo biển kiểm soát 11A-070.xx. Tình trạng xe đã qua sử dụng.

Số khung: MK2XRNC1WLN0138xx. Số máy: 4A91JC82xx.

Qua kiểm tra thực tế số khung, số máy của xe trùng khớp với phiếu trả lời xác minh phương tiện giao thông cơ giới đường bộ ngày 24/3/2022. Xe kèm 01 chìa khóa. Kèm theo xe là 01 (một) giấy đăng ký xe ô tô mang tên Đặng Xuân T.

- Trả lại ½ giá trị chiếc xe ô tô nhãn hiệu MISUBISHI XPANDER màu trắng. Xe đeo biển kiểm soát 11A-070.xx cho Hà Thị H, sinh năm 1981, trú tại: Tổ 16, phường G, thành phố C, tỉnh Cao Bằng.

+ ½ giá trị 01 (một) xe ô tô nhãn hiệu KIA MORNING màu xanh. Xe đeo biển kiểm soát 11A-070.xx. Tình trạng xe đã qua sử dụng.

Số khung: RNYSA2432BC0254xx. Số máy: G4HGBM4027xx.

Qua kiểm tra thực tế số khung, số máy của xe trùng khớp với phiếu trả lời xác minh phương tiện giao thông cơ giới đường bộ ngày 24/3/2022. Xe kèm theo 01 chìa khóa. Kèm theo xe là: 01 (một) giấy đăng ký xe ô tô mang tên Bùi Xuân Q; 01 (một) giấy kiểm định số 0001981; 01 (một) giấy bảo hiểm bắt buộc TNDS số DK21/0475378; 01 (một) giấy bán xe 11A-070.xx ngày 22/11/2021. Người bán: Nguyễn Đại N, người mua: Nông Văn V.

- Trả lại ½ giá trị xe ô tô nhãn hiệu KIA MORNING màu xanh. Xe đeo biển kiểm soát 11A-070.xx cho Đàm Ánh T, sinh năm 1980, trú tại: Xóm N, xã Đ, huyện Q, tỉnh Cao Bằng.

+ 01 (một) phong bì niêm phong theo quy định, mặt trước ghi “02 điện thoại di động của Đặng Xuân T: 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu SAMSUNG GALAXY A50; 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu NOKIA dạng bàn phím”.

Mặt sau có chữ ký của các thành phần tham gia niêm phong và đóng dấu của Cơ quan ANĐT Công an tỉnh Cao Bằng.

**- Tịch thu tiêu hủy:** 02 (hai) tấm bạt màu xanh cam. Kích thước khoảng 80x150cm; 02 (hai) tấm bạt màu xanh cam. Kích thước khoảng 60x120cm.

- **Trả lại cho bị cáo Nông Văn V:** 01 (một) căn cước công dân mang tên Nông Văn V.

- **Trả cho chị Hoàng Thị N:**

+ 01 (một) giấy bán xe 11A-070.xx ngày 21/02/2022. Người bán: Nông Văn V, người mua: Hoàng Thị N;

+ 01 (một) phong bì niêm phong theo quy định, mặt trước ghi “điện thoại di động của Nông Văn V. Nhãn hiệu Masstel dạng bàn phím đã qua sử dụng”. Mặt sau có chữ ký của các thành phần tham gia niêm phong và đóng dấu của Cơ quan ANĐT Công an tỉnh Cao Bằng.

Xác nhận toàn bộ các vật chứng nêu trên đã được chuyển giao cho Cục Thi hành án dân sự tỉnh Cao Bằng tại Biên bản giao nhận vật chứng số 85 ngày 07 tháng 6 năm 2022.

#### **4. Về trách nhiệm dân sự:**

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 117; khoản 2 Điều 131 của Bộ luật Dân sự.

Buộc bị cáo Nông Văn V có trách nhiệm hoàn trả số tiền có được từ việc bán xe ô tô nhãn hiệu KIA MORNING màu xanh. Xe đeo biển kiểm soát 11A-070.xx là: 80.000.000đ (*Tám mươi triệu đồng*) cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Hoàng Thị N, sinh năm 1985, địa chỉ: Tổ 12, phường S, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền chưa được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

#### **5. Về án phí:**

Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Đặng Xuân T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng nộp ngân sách Nhà nước.

Bị cáo Nông Văn V phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng và 400.000đ án phí dân sự có giá ngạch. Tổng cộng cả hai khoản bị cáo Nông Văn V phải chịu là 600.000đ án phí để nộp vào ngân sách nhà nước.

**6. Về quyền kháng cáo:** Căn cứ Điều 331, 333 của Bộ luật tố tụng hình sự,

Các bị cáo Nông Văn V, Đặng Xuân T có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo phần Bản án sơ thẩm trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo phần Bản án sơ thẩm trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc niêm yết Bản án./.

**Nơi nhận:**

- VKSND cấp cao tại HN;
- VKSND tỉnh Cao Bằng;
- Cơ quan An ninh điều tra;
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh CB;
- Sở Tư pháp CB;
- Phòng KTNV&THA;
- Cục THADS tỉnh CB;
- Các bị cáo;
- Người liên quan;
- Lưu HS vụ án;
- Lưu toà HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Như**